

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 30

CHƯƠNG X: TẬP KHOA THANH ĐỨC

(Trong chương này, Chánh truyện có mười hai vị, phụ có tám vị)

- 1/ Truyện ngài Thích Tuệ Minh trụ chùa Quang Trạch ở Dương Đô, đời Trần
- 2/ Truyện ngài Thích Đạo Kỳ ở Nghiệp Hạ, thời Bắc Tề
- 3/ Truyện ngài Thích Pháp Xưng trụ chùa Định Thủy ở kinh đô, đời Tùy (Trí Vân)
- 4/ Truyện ngài Thích Chân Quán trụ chùa Thiên Trú ở núi Linh Ẩn, thuộc Hàng Châu, đời Tùy
- 5/ Truyện ngài Thích Pháp Vận trụ chùa Thê Hà ở Tô Châu, đời Tùy
- 6/ Truyện ngài Thích Lập Thân trụ tại Đạo tràng Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy (Tuệ Ninh Quảng Thọ)
- 7/ Thích Thiện Quyền ở Đạo tràng Nhật Nghiêm tại Tây Kinh, thời nhà Tùy (Pháp Cương)
- 8/ Truyện ngài Thích Trí Quả trụ Đạo tràng Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy (Huyền Ứng, Trí Ưng)
- 9/ Truyện ngài Thích Pháp Diễm trụ chùa Huyền Pháp ở kinh đô, thời Tiền Đường.
- 10/ Truyện ngài Thích Tuệ Thường trụ tại Đạo tràng Nhật Nghiêm ở kinh đô đời Tùy (Đạo Anh, Thần Sảng)
- 11/ Truyện ngài Thích Trí Khải trụ chùa Định Thủy ở kinh đô, thời Tiền Đường
- 12/ Truyện ngài Thích Bảo Nham trụ chùa Pháp Hải ở kinh đô, thời Tiền Đường

1- Truyện ngài Thích Tuệ Minh trụ chùa Quang Trạch ở Dương Đô:

Thích Tuệ Minh, không rõ Sư là người xứ nào. Trông dung mạo dường như người Hồ. Cho nên ở học lấy Hồ Minh làm mục đích. Nhưng Sư có lợi khẩu biện tài đặc bén nhạy tuôn trào khó ai hơn, nắm bắt thấu hiểu gió mây, chỉ ghi chép những việc đã qua. Sư nghe và tham cứu kinh luận, cạnh đó tìm thêm sách sử, nhất nhậm Đại Nghĩa, chẳng chuyên nơi văn cú.

Dưới thời nhà Trần thường hay thiết lập trai hội tu phước, mọi người đều theo phóng hóa, thể lệ ấy bèn rộng ra. Mọi người đều cho rằng: “Sư là người khéo khoe môi mép, cơ biến chẳng thể suy nghĩ được.” Nên các nơi có tướng Đạo, không đâu chẳng suy tôn Sư. Sư cũng tự thấy tài lực của mình có thừa, hễ nghe liền nêu dẫn dắt xưa nay bao gồm đến cùng, giúp cho người nghe vui mừng, sợ Sư thôi nghĩ. Niên hiệu Thái Kiến thứ năm (573) đời Trần, Vua Tuyên Đế (Trần Húc) chuẩn bị đánh chiếm phương Bắc, dàn Binh lính trên sông, đã sai Đại Đô Đốc Trình Văn Quý vv.v... dẫn Quân lính đến sông Hoài, sông Bồ đối trận với nhà Tề. Hùng khí cùng dốc hết, Vua rất lo toan, bèn ở trong điện Thái Cực bảo bói rùa, thử bốc quẻ đường Văn, dưới bụng rùa vụn chốc bị rách một đường dài, vua tội đều biến sắc mặt, cho là điềm không tốt. Bèn thỉnh trăm vị tăng thiết trai cúng dường. Đồng một lúc đến trong trai hội, vôi vàng chưa lường biết được nguyên do. Đến lúc hành hương xong, Vua mới trình bày ý quẻ bói, Sư đứng dậy lớn tiếng trình bày, lại nêu duyên rằng: “Bói quẻ đi đánh giặc, mai rùa bị vỡ, có nghĩa là ngàn dặm đường thông. Đã do Văn Quý dẫn đầu, há chẳng phải là một lúc thắng lợi hay sao?” Mọi người lúc ấy đều cho đó là lời nói chải chuốt tô điểm. Đến tháng bốn, theo thứ lớp lớn nhỏ đánh nhau với nhà Tề, bắt được tù binh, viện trợ thêm hơn hai mươi vạn binh lính. Quân kế tiếp tiêu hợp. Các xứ Lã, Lương, Bành, Việt trước kia không bày trận, nên Vua lại ban sắc lệnh rằng: Năm nay xuất binh đánh phạt biên phục. Có được nhà Lương thì ở Xứ Giang Hoài có đến hai trăm thành, từ Đông sang Tây dài hơn năm ngàn dặm. Nhưng đường vẫn dài ở bụng rùa gọi là ngàn dặm.” Xa nghiệm về lời nói của Sư thật rõ ràng phù hợp. Nên Sư thừa thế đó, làm cho hạnh nghiệp càng rộng lớn thêm. Riêng ý Tông du, đặt ngộ lên bạch, lượng ấy rộng lớn. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

2- Truyện ngài Thích Đạo Kỳ ở Nghiệp Hạ:

Thích Đạo Kỳ, không biết Sư họ gì. Trong khoảng đầu thời Bắc Tề, rất hưng thịnh về việc giảng dạy nhưng Sư chuyên lấy Luận Thành Thật làm sự thấy biết. Môn học thành sự nghiệp, phân bộ kết chúng. Sư rất vui mừng vì công giảng dạy tập học đã thành di Nghiệp.

Vào niên Hiệu Thiên Bảo (550-560) thời Bắc Tề, đầu Thu một năm nọ lập giảng hội, Sư dẫn đầu chúng đi ra phía Nam Nghiệp Thành. Môn nhân cũ ở đó lại dẫn chúng vào. Ngay bên cạnh cổng ngoài bỗng nhiên gặp nhau. Sư bảo: “Ông từ đâu lại, rất là vô lễ vậy? Thế nào là khuôn phép mà chống cự ư? Đã không nghiêng cúi, đúng lý nên xuống đường”. Vị ấy nói: “Trống pháp vang dồn, lập lợi tại đây, tiếng tăm về vang cao xa. Thầy trò làm sao có?” Sư không đáp, tự bước xuống đường ra đến ngoài thành, xoay nhìn lại, bảo với Pháp thuộc rằng: “Tôi giảng luận Thành Thật hơn ba mươi năm, khai ngộ chánh đạo, trông nhìn rất có công phu. Giải hiểu gốc phông thực hành Di giới, nay hiểu mà chẳng hành, trở lại như gốc rễ chẳng hiểu. Nhọc mất công trước, không được lợi sau. Việc đã qua rồi không thể truy tìm, việc trong tương lai còn có thể đến. Xin đều nên về lại kinh đô, còn tôi phải tính kế riêng.” Sư bèn lui về đóng bít cửa phòng, rộng đọc các kinh luận, vì các hàng sĩ tục kia mà thực hành khai hóa, nên tác phẩm của Sư đề hiệu là “Kim Tạng Luận”, một pho gồm bảy quyển, theo thể loại tương tưng, nguyên do của chùa tháp phước lọng hương đèn, cội gốc của kinh tượng quy giới, trải đủ một phong hóa, mở lớn cửa phước. Sau khi bộ luận đã hoàn thành, Sư cùng bảy người bạn đồng hành ra phía Tây ngoại ô cách đất nghiệp chừng bảy dặm mà dừng, chu vi chung quanh gồm bảy dặm, các hàng sĩ nữ đều nhóm họp. Sư bèn giảng luận đó, cứ bảy ngày một biến. Sư đến sẽ cung kính, chẳng xấu hổ với việc làm nhỏ nhiệm. Kinh sách Tháp tượng để một đầu, mẹ già chổi quét để một đầu. Ngang qua trong đất Phật có tháp thì quét. Sư từng nói với mọi người rằng: “Trong Kinh chẳng nói ư? Quét đất chúng tăng ở rộng như cõi Diêm-phù chẳng bằng quét đất Phật chỉ bằng như lòng bàn tay. Do ruộng trí là thù thắng, gần gũi chăm sóc cho mẹ, vì phước ngang bằng với hàng Bồ-tát Đẳng Địa.” Nên Sư có tánh hiếu thuận sâu, vì mẹ già mà may vá áo mặc, chăm sóc uống ăn. Mọi việc đại tiểu tiện lợi của mẹ đều tự thân Sư lo liệu, không cho người giúp đỡ. Sư bảo: “Mẹ của tôi chứ đâu phải mẹ của người khác, hình hài di lụy đều là thân tôi, có thân thì có khổ, đâu được đem khổ để làm nhọc người. Do thân làm khổ trước, xin chớ giúp đỡ.” Nhân đó, Sư khuyên răn các hàng đạo tục, người theo rất đông.

Sư lại khuyên người vâng giữ tám giới, thực hành pháp xả trai, không cho giết hại. Mọi sự mong cầu đã xong lại chuyển đến trước, Sư trở lại y như việc trên xoay vần hành hóa, chỉ trong thời gian mấy năm, nhiều quanh nghiệp Lâm Giao, mọi người vâng hành theo sự chỉ dạy của Sư trong mười nhà có hết chín nhà. Có người bạn cũ đến thăm hỏi rằng: “Từ trước đến giờ hành hóa ở đời, là hành Đạo gì vậy?” Sư đáp: “Kia giảng có thể đuổi theo, nay thì không hối tiếc. Đã qua không lỗi lầm, còn biết nói gì!”

Về sau, gặp lúc nhà Bắc Chu thôn tính, huyền giáo đều phá hủy. Than ôi! Phong tục địa phương thường tôn sùng nghiệp đó. Đến lúc mở mang Phật Pháp mới lại rộng cửa ấy. Nên luận đó lúc đầu có người gọi là tà kiến. Vì lưu truyền ở đời, đâu thể che giấu luận sư soạn “Kim Tạng Luận”, cuối cùng chỉ là Sư, nên Sư đổi tên, nhưng sự lưu xuất sao lược chánh văn, rất đáng y cứ. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

3- Truyện ngài Thích Pháp Xứng trụ chùa Định Thủy ở kinh đô:

Thích Pháp Xứng, là người xứ Giang Nam. Sư đọc tụng các kinh tiếng vang trong suốt, cảm động mọi người. Sư hoàng hóa dưới thời nhà Trần, cả triều đình đều kính trọng. Sư lại khéo vạch bày dẫn dắt, ngay nơi sự việc nêu lên sự kỳ đặc. Tuy không thông hiểu về những việc ít có ở đời mà có yếu Pháp tùy cơ. Đến lúc thời vận nhà Tùy bình trị Nam phục, Sư cùng Kinh Sư Bạch Vân đồng trở về đất Tần, trụ chùa Hưng Thiện. Sư thường được mời vào Nội Cấm, giảng luận chánh nghĩa, khai mở xứng hợp Tâm Vua. Nên Vua Văn Đế (Dương Khiêm) sắc ban ở chánh điện thường thiết đặt kinh tòa, mỗi ngày riêng sai tụng kinh. Lời tiếng Sư tuôn chảy không ngừng dứt. Vua nghe xem như có lỗ hồng nhỏ liền hỏi yếu chỉ của kinh, Sư trọn đưa lên cao xa. Về sau, Sư đến trụ chùa Định Thủy, cùng Ngài Bạch Vân đồng tịch, và đều thọ hơn tám mươi tuổi. Lúc đó nhằm niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy.

Bấy giờ, lại có Sa-môn Trí Vân cũng là người giỏi về Kinh Bối, đối với Bạch Vân thì người đời gọi Sư là Ô Vân. Danh vọng càng cao, nổi tiếng khắp Nam Bắc, mỗi lúc lúc Sư cầm kinh đối ngữ thì tiếng vang rung chuyển như sấm. Có lúc buồn thảm trầm bổng, làm các loài bay chạy dừng trú. Đức của Sư rất lớn, nhưng kín đáo chẳng lộ bày, nên không việc gì có thể nêu bày mạnh mẽ. Sư lại khéo trên pháp tòa giảng nói kỳ đặc. Với Tử Sử Khâu sách, Sư đều ngầm thông, đối thời dẫn kéo như xưa trước đã từng kết cấu. Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy, trước đó, lúc đang ở tại đất Phiên, càng tôn kính mến mộ Sư

nên thỉnh đến trụ ở đạo tràng Tuệ Nhật, khóc vai như bạn, vì vui mừng từ lệnh của Sư. Đến lúc năm mươi tuổi, Sư thị tịch tại kinh đô. Vua vô cùng buồn tiếc, suốt ngày không ra, rộng vì tu tạo việc Phước, nhờ Samôn Pháp Luận vì Sư mà soạn Mộ Chí, thấy ở Biệt tập.

4- Truyện ngài Thích Chân Quán trụ chùa Thiên Trú ở núi Linh Ẩn:

Thích Chân Quán, tự là Thánh Đạt, người xứ Tiền Đường, thuộc quận Ngô, họ Phạm. Ông nội Sư tên Diên, làm Chứng Cấp Sự Hoàng Môn Thị Lang. Cha của Sư tên Đoái, làm Thông trực Tán Kỵ Thường Thị. Mẹ của Sư họ Hằng, là người hiền hòa rất có đức hạnh. Thường buồn vì không có con nối dõi, nên khiết trai lập thệ, trì tụng các Kinh Dược Sư, Quán Thế Âm, Kim Cương Bát-nhã, cầu sinh được con trai Trí tuệ để tiếp nối danh gia. Bấy giờ, Ca-tỳ-la Vương do Hiến Tổng trong coi, ở chùa Định Lâm thượng là nơi rất linh dị. Mẹ của Sư đích thân đến đó cầu nguyện, khắc tả hình ảnh, phụng thờ tôn tượng như thật, y cứ theo Kinh Dược Sư, suốt bảy ngày hành pháp. Đến đêm thứ ba, cảm thấy có ánh sáng chiếu vào thân. Từ đó, chí tánh khác thường, nói liền đến đặt, há chẳng phải nương tựa cõi trời, gá cõi người, nương vào gia đình họ Phạm để mở mang Thích giáo hay sao.

Đến lúc sinh ra, tướng Sư kỳ lạ khác thường, trong lòng bàn tay trái có đường văn chữ “tiên”, lòng bàn tay phải có chữ “nhân”, trong miệng thường chảy nước dãi thấm vào làm tươi nhuận tạng phủ, từ lúc nhỏ đến khi qua đời, Sư không hề bị khổ khát nước, nên thân thể Sư da dẻ sáng sạch, tuy già mà không suy yếu. Trên lưỡi có đường văn nối liền nhau hình dáng như lưỡi dẹt. Nên có được biện tài, mở thần sáng ngộ. Lại nữa, lời tiếng như chuông linh, lạnh lợi tợ gió mưa. Với sự thấy nghe của Sư, không ai chẳng kinh lạ. Lúc nhỏ, Sư chỉ có đại khái. Khi năm tuổi, Sư đã hay chạy, hoặc đứng trên rương tráp, hoặc cầm quạt, đùa như giởng kinh. Năm tám tuổi, Sư thông hiểu Kinh Thi, kinh Lễ, lại làm Thượng Thư, Lâm Cầm. Năm mười sáu tuổi, với các Kinh dưới trụ trên sông của Nho giáo, Đạo giáo, Sư thấu đạt không còn sót ẩn. Lại tham dự vào các thứ đánh cờ, đánh đàn, thỏa lòng Văn Tập, mỗi ngày thêm mới, mỗi tháng thêm lạ. Thầy bạn đều kinh quý vui mừng. Sư thường cùng người bạn vui đùa nơi bến bãi, có vị thấy Sư giỏi về Tướng mạng bèn đón rước vái chào Sư mà nói rằng: “Trong độ tuổi niên thiếu anh sẽ làm vị Đại Pháp sư!”. Sau đó, Sư liền chuyên tụng các Kinh Tịnh Danh, Bát-nhã, chỉ muốn vào Đạo. dò xét cơ duyên tiếp thừa sắc mao,

cha mẹ Sư không chấp thuận, Sư bèn thưa rằng: “Ca-tỳ giáng mộng, con muốn mở lồng, xé toang lưới ràng, đây chẳng phải thông minh”. Cha mẹ Sư đều mở tâm tùy hỷ.

Vua khải sắc ban lời và tặng cho y bát. Pháp sư Sinh trụ chùa Nghĩa Hưng là bậc hạnh khiết, đích thân xuống tóc cho Sư. Thỉnh Luật sư Trịnh là người có công đức lớn là Đạo ái Vân Dương, làm Hoà-thượng. Sư nghiên tâm tư duy về Luật Thập tụng qua một biến thì có thể trình bày lại. Sư lại theo Pháp sư nước Hoa Lâm, thọ học Luận Thành Thật, qua mười biến có mười lần trả lời vượt bày nêu trước, tự có nghĩa là giải hiểu thành đạt, có thể thay thế để thực hành. Lúc đầu, Sư tụng Kinh Pháp Hoa, hạn định mỗi ngày một quyển, nhân đó cảm mộng bảo Sư rằng: “Ông có Đại Căn, chợt theo Tiểu Đạo, thật là đáng tiếc! Sư bèn đến chùa Hưng Hoàng theo học giáo nghĩa Đại Thừa, chất vấn điều nghi, làm sáng tỏ vấn nạn, đi vào Huyền Môn. Lãng Công là bậc tinh thông cao vời, lại thêm hiểu rộng, nói với Sư rằng: “Tôi ra giảng đã tám năm, không một ai hỏi đến thế, làm cho diệu nghĩa mở thân. Thật đáng là bậc thầy của tôi!” Sư bèn theo giữ lễ thầy trò suốt mấy năm nghiên tâm.

Có Pháp sư Đại Nhẫn trụ chùa Khai Thiện, ẩn vết ở núi Chung Nam, đặt tâm nơi các Kinh Phương Đẳng, muốn thử trông xem, Tiên đạt hỏi bờ nơi Cao Sĩ, nhân tháo bè gỗ, lắng dùng để bày huyền diệu, khen ngợi rằng: “Đạo của Tôn giả Long Thọ mới hưng khởi ở phương Đông, hai Pháp sư Biện, Dũng là Thượng Tướng đương đồ, từng có sự khai mở, chóng qua nhiều pháp tịch”. Bấy giờ, có người nói rằng: “Đất Tiên Đường có Sa-môn Chân Quán, là bậc đáng một nửa trong Thiên hạ”. Sa-môn Hồng Yển là bậc tài cao so với những vị tài giỏi trong Nho giáo, móc sâu sánh với các bậc tuấn kiệt trong Phật giáo, nhưng đối diện với Sư thì nói rằng: “Quyền cao lắm Trí, Tài, mắt rất có tiếng tăm, Tôi có được bốn tuyệt, mà Sư có đến tám năng, đó là: Nghĩa, Đạo, Thi, Thơ, Biện, Mạo, Thanh kỳ!”. Do đó, các hàng Vương Công quý thích phần nhiều đều biết rõ về Sư. Thỉ Hưng Vương đi về hướng Đông đến Võ Tĩnh, thỉnh Sư cùng đi.

Bấy giờ, tại chùa Hưng Hoàng có mở giảng diên, lựa chọn thỉnh mời những vị có khả năng Nghĩa Tập. Sư đến đường cần kíp, mọi người đều suy cử lên trước. Khi đã lên tòa cao, Sư Khai giảng Tông chỉ của Nhi Đế, một lời tung hoành như băng tan. Học Sĩ Phó Dịch ở tại chỗ ngồi khen ngợi rằng: “Ba ngàn xứng đầu, Bảy mươi đáng trước! Thật là Thượng Nhân đáng vì đối đáp”. Các hàng Đạo tục ở Kim Lăng thấy biết

như thế. Khi đã đến Đông Hạ, Sư trụ chùa Hương Nghiêm, giảng Kinh Đại Niết-bàn, bốn phương các hàng Nghĩa tập lại thêm vinh quán. Chùa Hưng Hoàng lại ba lần truy tìm, Sư bèn nói rằng: “Với kinh luận Đại thừa, tôi lược đã được mở mang, mà các xứ Yên, Triệu, Tề, Tần được dắt dẫn cung kính, chuyên học tuy nhiều nhưng gồm thông thì ít, nên phải nhanh chóng về lại Đông phiên, pháp môn nhờ cậy.” Lúc bấy giờ, chinh phạt Bắc Chu, mất luật, triều đình bàn nghị bắt ép chư tăng vô danh bỏ đạo, Sư bèn thương có sự mê mờ đó mà than rằng: “Phàm các hàng Sát-đế-lợi, cư sĩ đều gieo trồng Phước mà được giàu sang, mạnh mẽ, hàng thứ dân tôi tớ làm tội nên nghèo khổ, yếu đuối. Muốn tốt tươi cành lá mà lại chặt bỏ gốc rễ, đó thật là lầm hoặc! Mọi người đều tiếc mạng tham sống, tôi đây quên thân mình vì sự mất còn của giáo pháp.” Bèn gửi thư đến cho Bộc Xạ Từ Lăng, văn thấy trong Biệt tập. Từ Lăng bèn gửi thư trình tấu. Vua kinh sợ đổi sắc mặt. Chư tăng bị bức ép nhờ đó được khỏi. Nói theo đó thì Sư không chỉ làm rường cột trong Phật Pháp mà còn là sách lược sáng ngời giúp cho thời thế.

Giang Hạ Vương ra trấn ở Đất Việt, nên thỉnh Sư cùng đi. Lăng Công vuốt nghẹn, giây lâu bảo Sư rằng: “Hãy dừng ở lại ba năm, giảng đường này sẽ giao phó, lại thuộc anh Vương, kính chuộng Pháp được lợi ích!” Nhưng Sư chẳng thể ở lại, bèn đến Võ Huyệt và thường quay bánh xe pháp. Đạc Tấn Đỗ Lăng thỉnh Sư về chùa Quang Hiển, truyền dạy học đồ. Đến lúc Vĩnh Dương Vương, Bà Dương Vương, Tư Không, Tư Mã tiêu nạn, đều cùng lần lượt đi theo đường biển thỉnh Sư đến Chiết Đông. Nên được hưởng xoa thuốc tuệ, vì hạnh nghiệp vì sưởi ấm nên đánh lễ cung kính dốc lòng rất mực chí thành chí tiết.

Sa-môn Trí Giả ở núi Thiên Thai là bậc danh hạnh không ai bằng, do nhân duyên đời trước thuần du chẳng nghịch, tuổi tác đã ngang bằng đáng làm anh em bạn đạo, cùng Sư đi đến Tần Lĩnh ở nơi phòng cũ khuất trong mây. Sáng sớm cảnh trời lắng trong thì cao đàm tuệ chiếu. Chiều tối râm che khuất hình thể thì an sâu vào thiền tịch, đến lúc Ngài Trí Giả được đề cử lên khuyết đỉnh. Sư bèn ở vườn riêng giảng dạy, ban trái pháp vị dần rộng nơi tâm thế tục. Vĩnh Dương Vương trở về Kinh Đô kính ngưỡng tấu trình thanh đức. Cả triều Tăng chánh đồng thỉnh ty luân, lại gặp lúc phước đức chung cục nên việc ấy phải dừng nghỉ.

Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy kính chuộng Phật Pháp rất sâu xa, ba lần ban sắc nhọc hỏi. Tần Vương đến đất Phiên hai lần thỉnh Sư đến Tổng Phủ, Sư đều lấy cơ bệnh mà chối từ, kỳ thật là Sư không muốn đến. Về sau, Tề Vương thỉnh Sư đến Giang Bồ, đích

thân đến đánh lễ, dùng hương hỏa để truyền dẫn, rồi đưa Sư về lại chùa Chúng Thiện ở ấp cũ. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy, khi ấy trời nắng hạn, Thứ sử Lưu Cảnh An thỉnh Sư giảng Kinh Hải Long Vương. Tựa đề kinh Sư vừa giảng xong, bỗng nhiên mưa đổ ngập tràn. Từ đó về sau, hễ có cầu thỉnh thì liền ban giảng, khắp xứ Ngô Việt kính ngưỡng Sư như Thần.

Ở phía Tây huyện có núi Linh Ẩn, xưa gọi là nơi tiên ở, trên đỉnh núi có mọc hoa sen, trong hang động ẩn tàng huyết rồng. Tin Tú Nhạc của Giang Đô, Sư bên trong đã ngâm Nhân Trí, bên ngoài lại quen với núi sông, cùng Thiên sư Đạo An tu hạnh đầu-đà nơi hang đá. Có đàn việt Trần Trọng hướng dẫn các đồng bạn mở kho đào móng, xây dựng tinh xá, lấy hiệu là Nam Thiên Trúc. Sư bèn rời ấp trở về hang cốc, nường nấu ở đó đến cùng. Giảng đường chùa chúng Thiện, Sư giao phó cho môn nhân là Sa-môn Huyền Cảnh. Ngài Huyền Cảnh tiếp thừa như bình rót, theo nhau không dứt.

Đến lúc Vua Văn Đế xây tháp, nơi nào hình thế tốt đẹp thì sử dụng, chẳng mưu tính cùng nhóm họp, chỉ lấy sự quyết định ở Sư. Sư bèn chỉ nơi núi đá cao ngất có thể an đặt nền tháp. Tuy nói lời thật nhưng ai lấy làm tin, cúi ngưỡng đục thủng hang động, tự nhiên có vật hình dáng như cái hộp vuông, rõ ràng như đáy hộp gương, công trời thợ thần thầm mong phù hợp. Từ đó, Sư ở núi thường giảng Kinh Pháp Hoa, lấy đó làm tâm yếu, thọ trì đọc tụng, tự thân viết chép truyền bá năm loại Pháp sư thật ở tại đó. Lại nắm giữ ý chỉ kinh văn, mở sáng chí thú sâu mầu, giảng nói mới lạ, chẳng tìm nơi giấy mực, Trí tuệ tư duy khơi sáng, bay vượt ngoài văn. Lại cảm có cái chậu rửa để dưới đất mà chẳng bị thấm. Sự lý khác người, thật do năng lực của kinh. Thần ở đình Cao họ Trần tên Trọng giảng hiện thỉnh Sư giảng Kinh Pháp Hoa một Biển, dùng tiền vật mà dâng cúng, lại giảng hiện xin xả thí miếu đường năm gian đó để làm Điện Phật ở chùa Chúng Thiện. Nếu nói theo đây thì Sư có cảm ứng linh thông cúng dường, thật là ít có ở đời.

Đến ngày mồng tám tháng tư niên hiệu Đại Nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy, Tư Mã Lý Tử Thâm lại thỉnh Sư ra Ấp giảng Kinh Đại Niết-bàn. Mới đầu đi ra chùa Thiên Trúc, Sư tự chỉ chỗ đất sau này an táng. Khi giảng đến phẩm “Hiện Bệnh”, Sư mộng thấy có ba người dung phục rất cao lớn cầm phước lọng cùng đến kính lễ mà nói rằng: “Trời Tịnh Cư sai đến đón rước!” Đến ngày mồng sáu tháng sáu, Sư bị bệnh mộng thấy cùng Sa-môn Trí Giả cùng ngồi chung kiệu, đến hầu tôn tượng, theo Phật mà về núi. Khi tỉnh giấc, Sư than rằng: “Khi xưa, lúc

sáu mươi hai tuổi đáng lẽ qua đời, nhờ năng lực giảng Kinh Pháp Hoa lại kéo dài thêm một kỷ, nay bảy mươi bốn tuổi lại đến chung cùng. Kỳ hạn đời sống này đã hết!”. Sư liền nhóm họp nội chúng, dạy răn mọi việc trong tương lai, Sư bảo: “Muốn sinh về đường lành, muốn đầy đủ thần lực, muốn ra khỏi luân hồi, muốn đầy đủ Phật Pháp, thì nên phải giữ giới, tu định, học tuệ, mở mang chánh pháp, chớ để một đời luống qua không được gì!”. Ngày đó, từ ở Thiên Thai có thư đưa đến và gửi theo các thứ bơ thơm, đường phèn. Xem trong thư đó viết rằng: “Nhân duyên đời trước, đây là thư cuối cùng!” Sư bảo hai chuỗi Châu Như Ý, một chuỗi đi về hướng Đông đưa đến núi thiên thai, một chuỗi để lại cho Tây Pháp. Còn các thứ tạp phục thì tự phân, một là trả lại cho tăng Yết-ma, hai là thành Đệ Ngũ Tăng Thí. Có người mộng thấy cung điện bay đến đón rước Sư. Sa-môn Bảo Tuệ lại nghe giữa hư không có tiếng trống nhạc.

Đến nửa đêm mồng một tháng bảy (năm 611) Sư ngồi kiết già, tẩy rửa súc miệng, sửa sang y phục rồi bảo rằng: “Có người đến thỉnh giảng giới, Bồ-tát.” Và Sư ngồi thẳng an nhiên, bất giác thị tịch tại chùa cũ Chúng Thiện. Từ giờ Tý cho đến giờ Ngọ, ở ngực và đánh đầu Sư vẫn ấm nóng, thân thể mềm mại, nhan sắc không biến đổi, bàn tay phải co lại ba ngón, qua vài hôm sau, mồ hôi đổ khắp thân, đến ngày mồng bốn dờ vào trong thiền khám. Bấy giờ, khí trời rất nóng, nhưng Sư vẫn ngồi an nhiên như lúc còn sống, thật là nhờ thần lực. Từ đó, đến ngày hai mươi lăm, mọi người khắp bốn phương đều kéo đến, sáu quận đồng nhóm họp. Các hàng Đạo tục công tư đồng một lúc đến tấp nập, đều đến chỗ nhục thân truyền hương vào tay Sư, nói lên sự giã biệt, nói lên sự kính mến, lòng từ bi sinh khởi, chỉ có giới đức, khóc như mưa lạnh. Mang hoa hương đến cúng dường mỗi ngày có cả ngàn đoàn, theo thứ lớp thiết lập Đại trai hội, mở cửa khám chiêm ngưỡng kính thờ, Sắc tướng Sư sáng sạch, sợi lông giữa hai đầu chân mày càng dài ra gấp bội, khác với lúc còn sống, mọi người càng thêm khen ngợi! Đến ngày hai mươi sáu mới vĩnh viễn an táng nơi cốc Chân ở núi Linh Ẩn, lấp bít Phương phần. Tả họa dung trạng lưu lại chùa Thiên Trúc. Ngày đó bốn bộ kéo dài cả một do-tuần, lọng thơm thành bóng râm, cờ phướn che khắp đồng trống, người còn người mất đều được vẻ vang vui mừng, thật chẳng thể nói hết.

Ban đầu, Sư có hùng khí thanh biện, rất xứng là Hoàng Phú, các Đại Quốc ở Giang Biểu không ai dám giành trước. Từ khi Phật Pháp truyền đến Phương Đô, công phu giảng dạy dẫn dắt, giữ gìn bình an thì

Sư xứng đầu. Do đó, mọi người không ai chẳng tôn kính Sư. Cho nên biết năm trăm một hiền, đời có ngày hưng thịnh. Phật pháp được vẻ vang rạng rỡ thật là nhờ Sư.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) đời Tùy, ở Giang Nam làm phản, Vương Sứy đến viếng thăm, bèn chống kháng Quan quân, Vũ hịch tranh giành rong ruổi, tiếng binh lính càng lớn mạnh. Bấy giờ, Nguyên Sứy Dương Tố chỉh trang quân trận nơi Nam khu. Sau đó bèn như ngói vỡ, bắt tù binh chém giết có hơn ba mươi vạn người. Vì Sư là người tiếng tăm vẻ vang sáng tỏa khắp Giang Biểu, nên Dương tố cho Sư là người tạo hịch, chẳng cần hỏi định giết. Sư đã bị buộc tội nghiêm khắc, không do đâu tỏ bày sự trong sạch của mình. Các bậc tài sĩ ở Kim Lăng như học trò của Bảo Hanh, Tạ Võ, v.v... đều bị giam giữ, sắp bị chém giết. Lại đi ngang qua trước Dương Tố, trách cứ Sư rằng: “Đạo nhân đáng lẽ ngồi thiền tụng kinh, tại sao lại vọng xen vào nơi binh giáp, làm ra hịch thư, tội đáng chết hay chẳng?” Sư nói: “Sự học của Đạo nhân đúng như lời ông nói, nhưng Chân Quán tôi chẳng làm hịch thư, không tội mà chịu chết”. Dương Tố càng tức giận, đưa hịch thư ra cho xem, hỏi: “Có phải ông làm chẳng?” Sư đọc xong rồi nói: “Văn ấy cạn cợt, thấp kém chưa thể khơi động lòng người. Chân Quán tôi đây thật không làm, nếu làm thì còn hơn thế”. Sư bèn chỉ trích năm, ba chỗ, và Sư bảo rằng: “Ngôn ngữ như thế, đâu đáng đặt để lên giấy?” Dương Tố đã hiểu rõ Văn, tin theo lời Sư nói. Sư bảo: “Ở xứ Ngô Việt bắt đầu trộm cướp xuất phát từ kẻ thấp kém, các hàng sĩ học Nho lưu phần nhiều đều bị bắt giữ bức bách, tức số học trò như Bảo Hanh, Tạ Võ, v.v... có hơn ba mươi người, đều là xử đoán việc nước, tiếp đãi Vua, tài giỏi của đương thời. Xin ông nên nghĩ lại, không thì có tội oan!” Dương Tố bảo: “Đạo nhân chẳng lo cho mình mà lại lo cho kẻ khác.” Sư nói: “Sống chết là việc thường, đã chết không thể không biết, Người do vì lo sâu”. Dương Tố nói: “Bị trói buộc với thời gian dài có giải buồn chẳng?” Và đòi lấy giấy đưa Sư và bảo làm sáu phú. Sư cầm bút viết như dòng chảy, chỉ phút chốc giấy hết, Dương Tố bảo đem giấy đến đưa thêm Sư một tờ. Dương Tố liền cầm giấy đọc, kinh lạ lời văn đó, miệng xướng “Thầy đến!” Và bất chợt đứng dậy tiếp, Sư liền bảo ngồi đối, mới hết văn từ ấy, cho nên bài phú Sư viết đại lược là:

*“Tên gọi buồn chẳng phải một,
Lý buồn nhiều phương
Khó được tường tận
Thử nêu đại cương*

Hoặc gọi là lo buồn rối loạn
 Hoặc gọi là chua lạnh đấm xốt
 Người nuôi dưỡng Nó, khiến đổi dung mạo
 Kẻ nghĩ nhớ nó, khiến trở lại hồi trường
 Đó là Tướng trạng của sự buồn sâu
 Nói chẳng phải vật mà là vật
 Nghĩa là không hình tượng mà có hình tượng.
 Tuy nhỏ mà là lớn
 Cũng từ hẹp mà thành rộng
 Thí như cao lớn của Sơn nhạc
 Ví sự sâu rộng của biển khơi
 Hoặc đứng dậy, hoặc nằm xuống
 Có lúc qua, có lúc lại
 Chẳng trông mà tự mọc
 Không gốc mà tự lớn
 Hoặc thí như khói sương
 Chợt đồng như lưới bủa
 Tự lá ngọc buông rủ ban ngày
 In sáng vàng gợn lánh trong đêm
 Đó là lỗi trái với Đạo lý
 Rất sai với Pháp Độ
 Không bảo gọi mà liền đến
 Chưa lưu giữ mà bỗng ở
 Tuy cắt chặt mà chẳng đứt
 Muốn ruồng đuổi mà chẳng đi
 Xét thì không thấy vết tích
 Tìm thì chẳng biết ở chỗ nào
 Mà cướp đoạt sự tinh sáng của người
 Bã bỏ sự vui thú củangười
 Giảm bớt dung nhan của người
 Tổn hại sự lo nghĩ của người
 Đến như Kinh Kha Dịch thủy
 Tô Võ Hà lương
 Linh Quân bỏ nước
 Nguyễn Thúc rời làng
 Vả như Mã sinh chưa đạt
 Nhan Quân chưa gặp
 Phu Tử vịnh núi,

Lương Trọng Văn an ủi cây đình
 Đều là hãi hùng thối mắc nơi cõi lòng
 Đều là tán dương nơi đường tim
 Cho nên, Ngu Khanh buồn mà soạn sách
 Thúc Triết nương tựa mà làm thơ
 Lại như, Đãng Tử theo binh lính
 Xướng Phụ ở phòng không
 Vàng vạc cửa ải phía Bắc
 Mờ mịt sông Đông
 Núi sông đã ngăn ngại,
 Mộng tưởng liền thông
 Lâu Cao đến vầng trăng
 Vén màn gió đến
 Buồn mi hết phần
 Lệ má tiêu hồng
 Không gì chẳng cảm buồn
 Gối chiếu kết oán phòng không
 Mới có kẻ thi vi trái với khuôn phép
 Tâm nghĩ nhớ nghi hoặc
 Chưa biết phong hóa của Đường Ngu
 Sao rõ được đức hạnh của Võ Thang
 Sương đọng phía Nam của Trụ đồng
 Mây nổi phía Bắc núi Yên
 Mũi tên đã bắn tới tận Tấn Dương
 Nước lại cạn khô ở Sơ Lặc ...!"

Văn nhiều chẳng chép hết. Dương Tố rất khen ngợi, ngay nơi chỗ ngồi được cởi mở. Các văn sĩ thành đạt khỏi bị chết mà làm tội tở, Sư nhờ có được tài học dồi dào, mở mang dẫn dắt chẳng nhọc mệt, giảng dạy khai ngộ, vẻ vang ngời sáng trong trần tục, đầy đủ như trình bày ở trước.

Ngài giảng Kinh Pháp Đại thừa suốt năm mươi hai năm, lại tạo Tạng kinh hơn ba ngàn quyển, đúc năm pho tượng lớn đồng mạ vàng, xây ngôi tháp năm tầng, năm vị Tăng Đức thí, xây dựng hai ngôi chùa. Soạn thuật các đạo văn hơn hai mươi quyển, Thi phú Bi tập hơn ba mươi quyển, gần đây, trong đời trộm dùng ngôn từ của Sư rất nhiều.

5- Truyện ngài Thích Pháp Vân trụ chùa Thê Hà ở Tô Châu:

Thích Pháp Vân, họ Trần, người ở xứ Tô Châu. Sư tìm mền mộ

theo bạn, khéo giỏi trên Pháp tịch, thấu đạt cao xa, ít có người đạt được tiết tháo ấy. Sư đọc các bia chí và Đạo Văn xưa có hơn trăm quyển, đều là do các bậc Hiền giả như Vương Tăng Nhu v.v... soạn. Còn về đạo đạt thì khéo dẫn dắt, lại thông về Kinh thanh có hơn bảy trăm kệ ước. Mỗi lúc có thiết trai, Kinh Đạo cả hai việc đều giao phó cho Sư. Đến năm ba mươi tuổi, Sư khó nhọc với sự huyền ảo ấy, thỉnh mời ngày một nhiều. Vào ngày mồng một tháng giêng, Sư cắt đứt dây, liền nghe giảng Kinh Hoa Nghiêm, không bao lâu bèn đã đáp thuật được, Sư tiếc đã lãng phí bỏ công, vọng tiêu môi lưỡi. Nhân Tăng chứng thanh tịnh ở chùa Thê Hà được khắp chốn Giang Biểu đều suy tôn, Sư liền đến thọ học Thiền Đạo. lại nghe ở Linh Nham thuộc Thái Nhạc, liền đến đó tìm vết tích, thuyền bè khổ hạnh, đặc biệt lập chí cứng rắn thanh khiết, chẳng mong cầu tiếng tăm, vác đá bữa củi, cung cấp lấy làm việc của chính mình.

Sau đó, Sư về lại quê cũ, có pho tượng đá ở Phù giang như truyện trước đã nói, sau bị lửa thiêu đốt nhưng không mất Tướng lượng, không do đâu có thể dựng lập lại, Sư đến chỗ nền móng cũ của tượng đá, phát nguyện đánh lễ tám mươi bốn ngàn ngôi tháp. Lập Công đã mãn, thì cảm gặp được một Bà lão nhà quê tặng cho một quyển sách, đến lúc mở ra đọc, mới biết rõ duyên của pho tượng xưa. Đã có dạng độ, Sư bèn y theo đó mà tạo thành, rất có điềm ứng nghiệm. Trong biển có đảo Dương Hồ, cách bờ khoảng ba dặm, Sư đến đó để ngồi thiền, chỉ mặc vài bố ăn rau ngải, thực hành từ bi. Lúc mới đến gặp phải gió lớn quỷ vật kỳ lạ, đã thấy như thường, tâm không lay động, sau chín mươi ngày điềm nhiên an ổn.

Sư tự biết việc mình sắp qua đời, bèn về lại chùa Thê Hà, không bao lâu thì thị tịch, thọ ba mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy.

6- Truyện ngài Thích Lập Thân trụ Đạo Tràng Tuệ Nhật ở Đông Đô:

Thích Lập Thân, là người xứ Kim Lăng thuộc Giang Đông, Chí tiết hùng mạnh, quả quyết, không duyên theo phù hoa thêu dệt, oai dung trang nghiêm, khiến ai trông thấy cũng đều kính sợ. Sư rất có tài văn chương, khéo giỏi đối biện.

Bấy giờ, các Văn Sĩ ở Giang Tả phần nhiều hay lập Pháp Hội, thường nhóm họp danh tăng pháp tập suốt đêm, việc đạo đạt chỉ là dặt dãn tâm, đến lúc Sư lên tòa cao phát ra tiếng tăng hắng thì soang soảng

như sấm, tất cả mọi người đều sửa sang y phục, khắp mình nổi ốc, còn việc bàn nói về nghiệp duyên thì Sư bày dẫn đến quả, rõ ràng như ở trước mặt, khiến người nghĩ nhớ nhàm chán mạnh mẽ. Về sau, Sư vào ở đạo tràng Tuệ Nhật, ưu tặng ngày một nhiều. Khoảng đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, tiếng nói Sư rất trọng. Vua Dương Đế (Dương Quảng) vì công lao Sư biện làm cảm động lòng người nên ban tặng bốn mươi xấp lụa, bốn mươi giạ đơm, nhưng tánh Sư vốn thanh kiệm chẳng thích chứa để, nên liền bảo Môn nhân phân cấp hết. Sư theo xe giá đến Đông Đô và thị tịch ở đó, thọ hơn tám mươi tuổi.

Bấy giờ ở chùa Hưng Thiện tại Tây Kinh, quan cúng tằm thường cho kẻ sĩ Xướng Đạo, người phân Vũ Dực, trong đó người cao cả thì có các Sa-môn Tuệ Ninh, Quảng Thọ. Pháp Đạt, Bảo Nghiêm, với thế găm rỗng thì có thừa, nhưng tài năng cơ biện chưa hiển lộ để người đời có thể hầu thăm, nên không rộng vậy.

7- Truyện ngài Thích Thiện Quyền ở Đạo tràng Nhật Nghiêm:

Thích Thiện Quyền, là người xứ Dương Đô, trụ chùa Bảo Điền. Nghe học tham cứu về Luận Thành Thật, rất có khả năng thấu đạt Nghĩa. Bỗng nhiên Sư xoay đổi tư duy, ưa thích thấu hiểu về người vật. Lời nói ra liền suốt như chuỗi ngọc châu. Đại chúng vì công phu tu học sắp thành tựu nên không mở mang nhưng quyền phát ngộ thời cơ, vì công chẳng thiếu nên đến, làm được bèn theo việc chuyên. Nhưng trong nước bao quát ngôn biện tối thắng, chẳng ra đến Giang Nam. Còn việc thuyên phẩm thời sự cơ đoán không thể suy nghĩ, chẳng có ai cao. Về sau, Sư có tài thuật vang khắp, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy biết được nên mời Sư vào kinh đô trụ chùa Nhật Nghiêm.

Đến lúc Hiến Hậu qua đời, Vua ban sắc hành đạo. các vị Đại đức tài giỏi có năm mươi vị, đều được tôn xưng là “Trí Nam” đồng nhóm họp tại cung nội, mỗi ngày sáu thời tu nghiệp, Vua hấn đích thân đến dự. Sư cùng Sa-môn Lập Thân chưa phiên lễ dẫn. Đã dứt bật Văn từ bút mực, chỉ còn lại tâm kế. Suốt bốn mươi chín đêm đều uỷ thác cho hai ngài, gần ba trăm lượt nói mà không lặp lại. Ngài Lập Thân thì âm thanh vượt hơn mọi người. Còn Sư thì cơ thần bao gồm cả đại Chúng. Hoặc chỉ ba lời thành một câu, là hết một thời, năm-bảy câu là một chương, trường hợp ấy cũng thế. Vua Dương Đế và học sĩ Liễu Cố nói với Gia Cát Dĩnh v.v...rằng: “Pháp sư bàn nói mô tả có thể cùng theo. Đạo đạt lời kỳ đặc có công năng đối đáp, rất đáng ngờ lạ.” Gia Cát Dĩnh nói: “Trời trao anh biện, ở đời ít có người cao hơn.” Bấy giờ, có người trộm

đọc lời ấy, viết thành pho quyển đem đến hỏi Sư. Sư bảo: “Cách xướng Đạo, việc ấy do biết được căn cơ. Tụng lời, hành sự, tự đánh bằng gậy. Tạt tạt có dạy rõ, đâu thể truyền ngay, liền mau thiêu đốt bỏ chớ để lọt vào miệng người.” Nên Đạo Văn của Sư không còn nơi giấy mực. Mỗi lần đọc đến Bi Chí phần nhiều có số giải các từ, người bên cạnh có nhìn thấy như mộng đi giữa biển. Đến lúc Sư lên chỗ ngồi để dắt dẫn, mọi người cho rằng: “Dứt tình chỉ thật khéo nương tựa.

Niên hiệu Đại nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Nhật Nghiêm, thọ năm mươi ba tuổi.

Sư có môn nhân đệ tử là Sa-môn Pháp Cương, là bậc thần sư Đạo pháp, sâu rộng phóng khoáng, tài biến lăm kỳ đặc, lời nói tuy chẳng nhiều mà tả tình đều hết. Tiêu Bộc Xạ Côn Lý bấy giờ gọi là Học Tông, thường tu tạp phước đức, đặng lâm chẳng đợi. Mỗi lúc có Đàn hội thì sai bảo thỉnh mời. Nhưng ngôn lệnh của Sư như vụt bay sớm qua, Thích môn che lấp, các hàng đạo tục đều thương cảm.

8- Truyện ngài Thích Trí Quả trụ đạo tràng Tuệ Nhật ở Đông Đô:

Thích Trí Quả, là người ở đất Diêm, thuộc Cối kê, tánh Sư trong trắng nhẹ nhàng, từ bi thương xót mọi vật. Sư thường tụng Kinh Pháp Hoa, rất ưa thích Văn bút. Đối với Kinh sử thì là bổn ý của Sư, qua mắt liền được rõ suốt ý chỉ, thường hay xướng đọc, hân hoan cùng văn học. Ở đời lấy thế sách ấy để bức Sư làm Hữu Quân, tấu trình với Phiến Tấn Vương, bèn bảo Sư viết sách. Sư nói: “Tôi là người xuất gia, lại làm việc khác, đó là điều không đáng. Một là phụ rỗng sự phó thác của Thanh giáo, hai là trái với lời răn phát túc. Vua tuy bức bách thân tôi, nhưng tâm tôi thì không thể bức bách được.” Sư lại nói rằng: “Mắt mờ không thể cầm bút!” Tấn Vương rất tức giận, bảo giam lâu dài tại Giang Đô và sai giữ Bảo Đài Kinh tạng. Đến lúc vào kinh, Trữ Phó ra tuần ở Dương Việt, bèn lên Thái Tử Đông Tuấn Tụng trình bày, đại khái rằng: “Sa-môn Trí Quả vén áo xuất tục, mến nghĩa đến đất Lương. Cảm sự nâng đỡ ngày xưa, vui mừng sự tốt lành ở ngày nay!” Bèn ban sắc phóng thả và ban tặng Sư một vạn đồng tiền vàng cùng hai quả chuông. Mời Sư đến trụ chùa Tuệ Nhật, Sư thị tịch tại Đông Đô, thọ hơn sáu mươi tuổi.

Bấy giờ, tại chùa Tuệ Nhật, có Sa-môn Trí Ứng, Sư vốn là người xứ Giang Biểu, thấu suốt về nguồn gốc chữ, hiểu rõ về thông tục, về sau, vì sở học mà Sư mà tìm vào đạo tràng, từ Bí thư Chánh Tự, xem xét các tác phẩm. Văn nghĩa không thông, đều đem thưa hỏi Sư quyết định.

Sư liền về phán định xưa nay, xuất từ người đời, biến thể cổ huấn, rõ ràng như trước mắt. Sư thường bảo: “Đối với chữ học tôi đã biết khắp, còn người không biết chữ thì rất nhiều, không có người thông cùng phán quyết, tôi rất lấy làm tiếc!”. Sư soạn “chúng Kinh âm” và “Thương nhĩ tự uyển” trình bày rộng khắp, các hàng Đạt giả rất đề cao. Mỗi nhà cất lấy một bản để làm của quý. Về sau, Sư chuyên việc Đạo thuật biến đổi khuôn phép trước. Đã dứt bật đệm Văn lại rất bày rõ khí sâu, góp nhặt thành bốn hai quyển. Trình bày đạo mâu, người học giữ gìn, cho nên văn ấy gần như dứt bật.

Bấy giờ, tại kinh đô, lại có Sa-môn Huyền Ứng cũng là người dòi dào về tự học (học về chữ), các hàng Đạo tục đều suy tôn, thông tạo “Kinh Âm” rất có khoa cứ.

9- Truyện ngài Thích Pháp Diễm trụ chùa Huyền Pháp ở kinh đô:

Thích Pháp Diễm, họ Nghiêm, người ở xứ Kim Lăng thuộc Giang Biểu. Sư vốn tên là Pháp Tạng trụ chùa Nguyên Lực. Nghe Tước Công ở chùa Trang Nghiêm giảng Luận Thành Thật, Sư thâm nhập được nghĩa, biết chỗ trở về, bấy giờ mọi người đều khen ngợi. Mỗi lần nghe tiếng tụng tán kinh điển như xưa đã được đầy ắp nơi cõi lòng, Sư thử thâm đi tìm, lời ý đều thông thấu, liền đem sự hiểu đó, thưa hỏi các bậc thông đạt, các vị đều bảo: “Bởi ông đã từng tu học khi xưa, nên có duyên nay, không có gì lạ”. Sư bèn lấy điềm ứng y theo âm thanh đến hết quyển. Nâng ném kéo ngược. Sư bèn nhân những lúc rảnh giảnh mà trình bày. Dưới thời nhà Trần, những lúc trai hội, có người cầm quyển, như chẳng tỏ bày ra tiếng, trai phước chẳng cứu giúp. Nên bảo mỗi người tùy theo sự nhớ nghĩ mà theo nghe hết. Âm tiết trong trẻo đầy tai, tiếng tụng tràn khắp, rộng lưu bố ở thế gian. Về sau, được Tấn Phủ thỉnh Sư đến trụ chùa Nhật Nghiêm, cuối cùng đến niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, Sư lại đến trụ chùa Huyền Pháp. Tuy tuổi tác già nua mà lời tiếng của Sư không khàn hũ. Tại Kinh thất tuy giàu có, mà Nghiệp hạnh tiếng tăm lại rất nghèo. Như trong các người tìm Pháp vị, không ai vượt cao như Sư. Nhưng tánh Sư sống thích biết đủ, chẳng hề chứa để của cải. Phước lợi tuy có quy tụ, nhưng Sư đều ban trả hết.

Đến niên hiệu Trinh quán thứ mười (636) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Huyền Pháp, thọ hơn chín mươi tuổi.

10- Truyện ngài Thích Tuệ Thường ở đạo tràng Nhật Nghiêm:

Thích Tuệ Thường, là người xứ Kinh Triệu. Do có công phu Phạm báí (tán tụng) nên Sư trụ chùa Nhật Nghiêm. Lời tiếng trầm bổng bay cao, kéo dài mênh mông, trong suốt chẳng khô cạn, nhưng âm thanh đó phát ra từ trong cổ họng, môi miệng không máy động, đứng chung với người nhưng suy nghiệm chẳng biết. Tự chẳng vốn biết mới rõ Sư làm.

Bấy giờ, dưới thời nhà Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) hưng sùng chánh pháp, đến thời Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) lại càng làm hưng thịnh hơn, khắp bốn biển đều tìm về, đồng tụ hội tại Kinh Đô. Đến như Phạm Đạo tán thuật đều quý trọng gia phong, nhưng nghe Sư tán tụng đều sững sờ nghiêng tai, đều bóp tim tan mật, như là đói khát. Tiếng Sư tán tụng như thế, người có tâm nghe lam sao chẳng được tốt lành ư? Đại chúng tuy bắt chước học, phong cốt đồng thời tham dự, đến như dùng cho lôi kéo, đều chẳng ai bằng kịp Sư. Về sau, vào Đông Đô, gặp phải kiêu hoặc làm loạn, mọi việc trai phạm đều giao phó cho Sư. Sau khi bình diệt hết, Sư về lại Quan nhưỡng, bấy giờ có kẻ sàm tấu với Vua rằng: “Nghịch tặc tạo Phước, nói lạm vào nước nhà đều phải bắt hết”. Nhân đó liền sai phái người tìm kiếm, Sư bị đưa đi vĩnh viễn. Đi đến Sa Sách, giặc giữ lại nói: “Đến đó chắc chắn bị giết, hãy dừng lại ở đây.” Sư bảo: “Oan trái tạo tác vốn đã từ lâu, phải đền trả”. Bèn đến Dương Đô, quả nhiên đúng như lời Sư nói, lúc đó, Sư hơn bốn mươi tuổi.

Bấy giờ, trụ chùa Hưng Thiện ở kinh đô, có các Sa-môn Đạo Anh, Thần sáng cũng là những vị do âm thanh tán tụng mà nổi tiếng. Ngài Đạo Anh cổ họng và vầng trán tướng trạng kỳ vĩ, từ khí hùng xa. Đại chúng mỗi lúc nhóm họp có hơn vạn người mà âm điệu Sư oai linh cao vượt ngoài chúng. Đại điện chùa Hưng Thiện bày nền rộng mười mẫu, lá quạt cao lớn chẳng thể lay động. Đến lúc Sư dẫn chúng đi nhiều quanh lần lượt tới cửa song, tiếng ồn ào xung vào kích đánh đều bị rung chuyển. Ngài Thần Sáng xướng lời tán tụng càng khéo dẫn dài, du dương trầm bổng nối liền khắp cùng trong ngoài, gặp cơ duyên thừa thãi nắm bắt thỏa thích, hợp tâm mọi người.

Vào niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiên Đường, trụ chùa Chiếu Cơ ở Trĩ Hạ thuộc Dự Châu, có Thiền sư Đàm Bảo bỏ ăn ngũ Cốc luyện thân, giới hạnh không dấu vết. Năm đã sáu mươi tuổi, mà Sư thường giảng Kinh Quán Âm, dẫn dắt các hàng Sĩ tục. Và, âm điệu của Sư vượt trội đặc biệt khác với người thường, tại chùa có nền tháp, trong đêm thanh vắng, Sư lên trên đó tán lễ, âm hưởng xông bay khắp

cùng ba mươi dặm, mọi người khắp bốn phương xa nghe thấy đều kinh sợ kính ngưỡng.

11- Truyện ngài Thích Trí Khải trụ chùa Định Thủy ở kinh đô:

Thích Trí Khải, họ An, người ở xứ Dương Đô thuộc Giang Biểu. Gia đình Sư rất giàu có, tôi tớ rất đông. Lúc còn nhỏ, Sư đã thích hài hước, dẫn các trẻ nhỏ đồng trang lứa có đến trăm đứa cùng vui đùa giữa đường cái trống trải, rất lấy làm tự đắc. Cửa Đài Tỉnh của nhà họ Trần không canh giữ ngăn cấm, Sư bèn dẫn đồng bạn vui đùa đến trước điện Thái Cực, bày hiệu lệnh mà qua. Các triều tể Giang tổng v.v... nhìn Sư ước buộc bước đi, bèn dừng bước lấy làm ngờ lạ nhìn nhau cười, bảo: “Đứa trẻ này là Vua!” Đến tuổi vào học, Sư bỏ tất cả các manh mối trước.

Nhân Sa-môn Cát Tạng bày Tông tại Võ huyệt, đến đó giảng nói ngời sáng vang khắp gần xa. Sư bèn từ già cha mẹ tìm đến, theo học Tam luận, riêng giỏi về lãnh điệp. Cho nên trong chương đầu, với các thứ Trung Giả phức từ dứt hết vướng mắc, người học khó khổ bởi phiền dẫn dắt, mà Sư bao gồm tất cả, tự nhiên chóng rõ ràng, tất cả đều có đi đến. Đến lúc ngài Cát Tạng vào Kinh Đô, nhân đi theo nên Sư cùng ở. Nghĩa nghiệp đều huỷ bỏ hết, chỉ chuyên tập học về Tử Sử. Xưa nay các tập truyện có mở ý bao gồm Sư liền điều sơ lại đó. Hễ nơi nào có phước hội, thì nhân đó mà nêu phỏng. Còn như xướng Đạo thì gần một nửa, lại có duyên đến, Sư liền dắt dẫn từ đầu, thâm phù hợp với điều chúng mong.

Cuối đời Tùy, đầu thời Tiền Đường, mưu tính tốt lành dần hiển rõ, mỗi lúc có điện hội, không đâu chẳng kính ngưỡng suy cử Sư, rộng đọc tụng lãm tài năng, ít có người nào được như Sư! Thường ở trong điện, Phật giáo, Đạo giáo trang nghiêm ở hai bên, hai cửa dẫn Sư, đồng thời mỗi bên tự xướng. Có Đạo Sĩ Trương Đảnh là người hùng biện khó có ai hơn, tự tiếc vì âm thanh nhỏ bị Sư lướt hơn, muốn đọit Sư dứt lời mới bày thuật. Khi nói đến đức của Vua, Trương Đảnh kéo dài ngôn ngữ ấy, Sư lường liệu mục kích ấy, biết độ ngậm nín của Trương Đảnh, Sư mỉm cười rộng dẫn các bậc Hoàng Vương xưa nay trị loạn cứu vớt lầm than, được mất thứ lớp, lời nói không phù trọng, văn từ phô bày cốt yếu. Trương Đảnh kéo dặt đã cùng, Sư lại thâm dẫn tiếp. Một đời các hàng Tể Bá đồng khen ngợi nêu lạ. Sư khéo léo tùy cơ sắc nhọn như thế, mà tánh quân bình, giàu nghèo đến cúng chẳng thiên lệch, còn nghĩ nhớ đến khốn cùng, phần nhiều thi vi châm liệu.

Sau, vì vết ruồi bó buộc, không đường bày rửa, Sư bèn dời đến Nguyên bộ, bèn mang mặc áo mao cổ Hiên, giảng nói về Lão Trang. Bấy giờ, ở Giang Hạ có Vương Đạo Tông, xưa kia ở Kinh Tông, xưa kia ở Kinh liên, thứ lớp có dự nhiều phước hội, đối với xướng thuật, không thể thông bằng Sư. Sau đến trông coi Linh Châu dẫn theo đến chỗ đảm nhiệm, lưu luyến năm tháng vui mừng mến mộ có bạn theo, và Tuân phủ Yên Sơn, hỏi tội ở Nê hải, đều cùng Liên ký cưới tình đồng sánh bóng. Tại đất phiên cúng tế phải có dẫn đạt, bèn cách bức màn bảo Sư làm. Đến lúc ngôn từ cuối cùng không ai chẳng rơi lệ. Vua cũng đổi sắc mặt. Sư thị tịch ở tại đó.

12- Truyện ngài Thích Bảo Nham trụ chùa Pháp Hải ở kinh đô:

Thích Bảo Nham, trụ chùa Pháp Hải ở Kinh đô. Sư có khí điệu nhàn phóng, nói cười cuốn hút mọi người, tâm muốn dắt dẫn kẻ tục. Bấy giờ, mọi người cùng chú ý gọi Sư là Pháp sư. Sư cũng cùng giảng kinh luận, tên đồng mà việc khác. Vì chỗ nêu bày của Pháp Sư là chuyên ở chương cú, tiêu phán sinh thành diệt khởi, tham kết nơi từ nghĩa. Còn sự chế dựng của Sư là tùy tình trạng mà lập nghi. Nếu chỗ có cần trích dẫn, phần nhiều Sư lấy từ Tạp tạng, trăm thí dụ khác tương như chuỗi ngọc xâu liền. Đạo Văn của Quán Công, Sám Pháp của Vương Nhụ, Lương Cao, Thẩm ước, Từ Sư, qua các triều đại Tấn, Tống có đến mấy mươi nhà, Sư nhận nạp tất cả vào trong cổ họng áo kép, tiếp xúc ngẫu hứng đều khơi dậy, thường khiến khắp chốn Kinh Ấp những nơi nhóm họp chùa tháp mở đầu hưng khởi, của cải phí dụng không đâu chẳng như là sỏi tiên. Tuy ngọc đá đồng gom lại, tạng phủ khó mở bày, nhưng đến lúc Sư lên tòa tựa án trông nhìn, chưa vội mở lời, ném vật mây tan, chỉ phút chốc ngồi chìm mất. Sư bèn bảo người dời vật, bàn nói cửa Phước, trước tiên nêu bày đường lành đáng vui mừng, giữa chừng Sư nói về U Đồ thật đáng nhàm chán, sau cùng Sư nói về sự Vô thường bức đoạt, cuối cùng trở về mất hẳn. Mọi người kéo tai vỗ tay đạt ngộ tự tâm ngay lúc ấy. Không ai chẳng bối tóc vạch áo ghi tên ký số khắc tế thành tạo, đó đều là do công lao của Sư! Bấy giờ, có người bảo rằng: “Hễ là người giảng pháp thì phải nói đúng như Pháp, chẳng nghe cái không của Âm giới, chỉ nghe về Bổn sinh Bổn Sự.” Sư bảo: “Chỗ rõ ràng của Bổn sinh Bổn sự là ở Ấm nhập vô chủ, chỉ vì người trong đời uế trước, có tình thức ám độn, nói về Ấm giới thì đều mê muội, nên tùy theo chúng sinh mà mượn tướng để khai mở thân phủ, há chẳng tốt ư?”

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư thị tịch

tại chùa đang ở, thọ hơn bảy mươi tuổi.

Thử Luận Bàn:

Từ xưa các truyện phần nhiều lược bớt các chương khoa sau, khi họ Tấn dời về hướng Nam mới mở ra Danh Thật. Cho nên sự rộng lớn của lợi vật là do việc làm cao. Nhân giới tôn quý chỉ bởi tiếng tăm âm thanh đều hiểu rõ. Vả lại, lấy ân thanh để truyền thì Sư lưu tạp ngay, trong đời thường lưu hành, ít quy kết tìm tòi. Nay vì chưa tỏ ngộ nên thử nêu lên thử luận bàn.

Vin theo từ đầu, các vị Kinh sư làm đức vốn thật lấy tiếng tăm lẫn lộn với văn từ, giúp cho người nghe thần mở, nhân tiếng tăm để theo hồi hướng, khắp trong đời đều mất hết yếu chỉ ấy. Trình vệ phân bố, lấy ai uyển để nhập thần, dùng chòm nháy làm thanh củ, đến nỗi khiến lời dâm êm tai tươi tắn đùa bỡn lắm nhiều, ở đời coi trọng đồng mê, ít tông làm được. Cho nên tiếng tăm tán tụng cùng trải qua, thì chính là hoàn toàn trái. Nếu như có sửa sang, mà bị thời gian phế bỏ, vật mong tham giá, có lợi xen lạn liền thực hành, chưa hiểu người nghe ngộ mê đều quý, và cùng lúc nghiêng tai. Đó đều là quy tông Nữ chúng. Song, chư tăng cũng rất gần, mà vượt rơi lạc, bền bỉ kiên trinh, rất thiếu nhã tố. Được chỉ do tùy tục, mất tại đùa bàn, hãy trở lại sai lầm sắp dứt, Tông tượng thì ít, xưa kia diễn bày ba ngàn, nay không một kế ước. Đã chẳng men theo Đời đời đổi, hẳn được hành tàng hữu nghi ư? Nhậm việc dẫn đạt hiện nay là việc trước tiên, ý tại tả tình sơ thông Huyền lý, vốn thật mở vật, sự việc thuộc biết cơ, không hẳn là tụng truyền do trái với thuyên ngộ. Nên Phật, được đời tôn xưng, cho nên ngài Xá-lợi-phất cho lời ấy là đầu. Xét chẳng phải người đó thì tạp tạng trình bày lỗi lầm, bao gồm sự lắng bạt ấy, trọn kết quy về cửa tuệ. Pháp sư có công nói Pháp, Luật sư có dụng biết Luật. Nay hãy tùy tượng phân vị, y cứ theo công việc mà kết nhóm thiên chương. Ở thế tục thì hữu vô thi vi chẳng thể, lại trình bày không có một người hoàn bị. Ở Đạo thì không khinh người chưa học, cũng khai mở bên ngoài phải rộng. Do đó, chỗ trình bày của truyện trước, ân cần bốn năng tức dùng để quán xét. Thật như trình bày rộng làm sao sáng tỏ ư? Nếu như Thanh học đã dồi dào, thì ôn từ cao nhã đầy đủ, tài biện rộng lớn, thì tuệ phát gần bao nhiêu. Hẳn che phủ dấu vết đó thì lắng dấu thành ở Minh Đạo. Nếu trái với Địa vị này thì làm lưới mở ở bến huyền. Chỉ vì trong đời tiếp nối năm thứ mờ tối, người bị ràng buộc bởi chín não. Tục lợi ngày một lớn mà đạo hoàng rất trở ngại. Do đó ngồi bày nơi Triều Tể hoặc đối mặt với Văn nhân. Nghiệp học lờ mờ hoang sơ, lúc trình bày thì quê kệch, khen giúp đức

vua mới là loại A hành, khen ngợi khốn khó vụn đồng như cờ hiệu. Như trình bày trắng tròn thì bảo là Thánh Tử về cửa, mê lược ngọc chương thì đâu nghe đến giường ghế, như nói về phòng thất thì tụng yếu diệu ung dung, khiến cho gái trai chạy tránh lớn nhỏ động sắc. Tăng luân vì đó mà bít tai, Sĩ tục không ai chẳng sợ hãi. Không phải chỉ có nghĩa là điều Phước lương làm khiến cho lòng tin héo úa. Lại có kẻ vợ vã khoe khoang môi mép không biết hổ thẹn, trang sức sân vườn, sáng nhuận chó ngựa. Đó đều là học chẳng phải từ thầy trao. Văn từ gá mượn từ kẻ khác truyền. Mạnh mẽ quả thật nghe trước không nghĩ đến lời răn bảo nên khinh trọng đồng vết. Thật lầm lẫn lộn dòng. Nhan hậu đã tăng, càng sâu si trệ, làm sao có nghĩa là Đạo Đạt? Há đều như vậy ư?

Còn như đối ngộ khéo léo gom nhặt lại có cả hai ngàn trang giấy, chẳng phiền nhiều hoa sức, dứt nạn trình Thần của Sa-môn Chân Quán, trăm câu càng mở tà tín ấy. Cho nên còn mất, nhất định phải tuân khảo. Qua nghiêm xét ở giao ấp ấy, từ điều tuôn chảy bèn bưng bưng khó cùng. Dẫn kéo thường tông thỏa đáng tình sự. Có công khiến cho cứ ngạo bề gãy Thế, Nho Tố mở giải sâu mâu, khiến biết tin bền chắc, tiếng tụng chuyển tải khắp đường. Nay hãy lược làm sáng tỏ cơ cở, thì được người khai ngộ như thế. Có trái với lời ấy, thì lại chê trách bít hóa như kia, liền thử luận bàn. Gặp có thật khó!

Sự tạo tác của “Bối nặc” men theo Đời mà khác nhau, chuyển đổi cữ chương, phần nhiều dẫn theo thế mới, kiểm xét nguyên thì cùng giao ủy Ngự sơn, hoặc chỉ Đông A xưa để lại, chợt trình bày cánh lằng lằng thâm trao, chưa rõ thuật xưa, lại trình bày nguyên do, há chẳng phải âm thanh trái với tượng lưu bố đã lâu, chỉ tin miệng truyền ở người là cao, rốt cuộc khó y cứ theo Đại ước. Thế loại ấy sắp bày rất nhiều. Còn như chỗ hành dụng của “Phạm” thì nhóm chúng hành hương, lấy tĩnh nhiếp ấy mà chuyên kính ngưỡng. Về danh thật thì “Phạm” nghĩa là “Tĩnh”. Thật chỉ là âm thanh của trời. Các trời ở cõi Sắc lúc lại hầu thăm Phật đều trình bày tán tụng. Kinh có việc ấy, vì bắt chước nên còn nhân gốc, chiếu âm thanh là Phạm, nhưng âm thanh của trời kia chưa hẳn là đồng với cõi này. Nên các Phạm ở Đông xuyên tiếng xướng rất nhiều, trong đó cao nhất thì có các loại tiếng mới giúp buồn, thuyên ngăn thế khuất. Đất chia ra Trịnh, Ngụy tiếng cũng khác nhau, nhưng với đường lớn chẳng trái với thường tập, Giang Biểu, Quang Trung há chỉ cách trời rất ít, đâu chỉ Ngô Việt chí dương tục khéo nổi dẹt, đến nổi khiến âm hưởng còn của tiếng tụng chỉ du dương khéo léo. Tần những Ung Lương âm từ hùng tráng vang xa, đến như chỗ khắp cùng của ca vịnh

đều dùng cao sâu làm cao quý, nhưng mà xử sự khó thường, chưa thể cùng đoạn dứt. Nếu đều nhóm họp các hàng Đạo tục, hoặc khắp thành quách thiết đại trai hội, hành hương trường Phạm thì tiếng của đất Tần là được ý. Năm chúng thường lễ, bảy quý thường hưng, mở phát kinh giảng thì âm thanh của Đất Ngô đè nén ở lần đó. Há chẳng phải đem trong lắng thì sáng sớm tốt lành, mờ tối cản trở nhau, cho nên dùng âm điệu trong nhã phát ra trầm tình. Tại Kinh Phủ thường truyền thì có hai phạm đại tiểu. Lời đùa ở Kim Lăng cũng truyền hai trích dẫn ngắn dài. Sự thuộc về đương cơ, không gì chẳng tốt đẹp. Kiểm Nam lưng hữu, gió ấy rõ được Tần, tuy hoặc đầy với, chưa đủ để bình luận. Nên biết một cảnh vực của Thần Châu, tiếng tăm thể loại đều khác nhau. Ấn-độ cùng với các Phiên, vịnh tụng hẳn nhiên tự khác nhau. Nghĩa chẳng vì thế, Đường Phạm dùng phỏng theo âm thanh của trời. Dám vọng lường xét, đoán định có thể biết. Tạo tác của Bối nặc trải qua khoa trước, còn như việc kỳ đặt vẫn sắp bày Phạm riêng, phát dẫn làm công, Bối-nặc cuối cùng nơi Pháp tịch. Tìm xét Bối nặc cũng vốn là âm thanh trời, thời Tiên Đường dịch là Tĩnh, rất được lý ấy. Nghĩa là lúc chúng sắp tan, sợ lẫn lộn với loạn duyên, nên dùng Bối chước không để vượt quá. Nhưng từ Bối dịch nghĩa đâu hạn cục ở tổng chung, khéo lúc đầu thì nhiều, thận trọng cuối cùng thật ít. Nên tùy nhân khởi mà dạy răn, nhưng chẳng phải không thông nghị. Sư thiết bày Tụng tán lưu bố thật nhiều, riêng cảnh vực của giang hoài đã có nhiều hành tập ấy, khắc chạm trang sức vẫn dẹt dùng lấy thanh hoa lẫn lộn. Tùy quyển Xưng dương, hễ kế hợp liền giắt kéo. Nhưng âm thanh ấy thường che phủ Văn từ. Người nghe chỉ nghe bay thổi, rốt cùng mê mờ đâu là mắt nô-m? Quan Hà, Tấn, Ngụy gồm quý trọng, chỉ vì lời phát ra chẳng phải Văn, nhã xưng vụng về. Vả lại, y cứ vào Văn từ ấy dồi dào để nghe mà mở niềm tin sâu. Chỉ bởi phía Nam ấy đượm phục Văn thanh như rừng, hưởng như tiết đến trung hòa, lý phải hài hợp với những chỗ sâu xa, tùy rơi lạc khó ngoi trở lại cũng mong, còn như Vịnh Phật Duyên của Danh Nghiêm do năm lời kết vận, thì trăm tạng y cứ làm Sư hạt. Tán Tịnh Độ của Viễn Vận gồm bốn chữ thành chương thì bảy bộ kính trọng làm Phong tố, đó đều là không tiếng tăm, vì ở bên cạnh Bốn ấy nên được bày lưu truyền thay thế.

Hoặc có người hỏi rằng: “Vừa rồi nói về các tán bối, chứa nhóm do âm thanh. Tôi nghe chẳng phải âm thanh, không lấy làm thấu đạt tâm. Chẳng phải âm thanh không vụt bay huyền lý. Cho nên ca vịnh tụng Pháp lấy làm âm nhạc, lời nói ấy thế nào?” Hẳn có trình bày như

thế vì chưa nghe thí dụ trước. nghĩa phải hun đúc tiết ước mới được văn chất cùng tốt đẹp. Lỗi của từ ấy là thật. Đời gồm chỗ chẳng phải. Âm thanh che phủ Pháp Bản, Phật có hồng ước, đâu được che lấp âm thanh trong trống mà mong khởi dậy rõ ràng ư? Bỗng từ chúng cao nhã mà mạo phạm hôn phu, đó thật là hổ thẹn! Ở Kinh đô có người ngồi trong hội nghe âm thanh pháp sự, phần nhiều do người thế tục làm. Thông hỏi chỗ theo, không do đâu mà gửi gắm, xướng lên hành sự nghĩa là có thường tông, đồng thời là sơ xưa của các bậc thanh đức, không thể bác bỏ. Còn như Thánh triết thường dạy răn, hai bài tựa chung riêng lấy mạng chương để trình bày kinh, trình bày pháp của bậc Thánh, nêu đầu các kệ tụng. Tuy là lời tựa tụng của văn khác mà khai phát nghĩa thì đồng. Thánh xưa để lại khuôn phép ở nơi đầu mối giáo pháp. Hiện nay bắt chước tiếp thừa ở Sự biểu hiện. Đời cách xa chẳng thể lường, mặt mũi ấy nay suy tưởng được dấu vết đó, tin có nương tựa, chẳng phải luống dối. Vả lại, nhóm họp đông nhiều huyên náo hôn tạp sóng đông, cuối cùng muốn sửa lý, thì do đâu mà được tĩnh lặng. Chưa bằng như âm thanh vút cao quy y Tam Bảo, bỗng nghe kinh tai không gì chẳng khuynh tâm. Đó cũng là kỳ lược phát mầm mở đầu khai sáng niềm tin. Ở đời có Pháp sự gọi là “Lạc Hoa”, dẫn dắt chung các hàng Đạo tục mở cửa Đại thí, đánh sát xướng cử buộc ném suối tiên, riêng thỉnh lập tọa nói rộng về thí duyên, hoặc xây dựng chùa Tháp, hoặc sửa tạo tăng vụ, tùy vật tán chúc lãng xăng như hoa. Các hàng Sĩ nữ đến xem nghe, ném tiền như mưa. Còn như bôi tóc trăm số đều khác. Khác lời bày nguyện giống như sao giăng, kết câu đều hợp vận, âm thanh không tạm ngừng. Nói vô lượng thuật, đó thật là bén nhọn kỳ đặc biệt của lợi khẩu, một kỳ hạn nhanh chóng. Ngoài ra thì cảnh giới ước, chư Tăng được, hạng đó lại rộng nhiều. Tâm thường đạt sấn, khoa yếu dễ hết, cho nên không rộng. Nếu là thông hóa thì vô phương hun đúc bất nhất. Biết nhỏ nhiệm có bao nhiêu ai được tin? Nhưng đức tin vững chắc cuối cùng Ngã diệt mất. Biết nhỏ nhiệm cùng cực đến tưởng diệt, từ đó thêm cấp giáng tâm dần dần chẳng ai bằng, người Đạt hóa lấy thức biến làm sáng tỏ, người Thông pháp cho lạm giao là mờ tối. Nên ngài Xá-lợi-phất nói sai là không bước lên ngộ nhập. Chúng thủ vọng hồi lỗi, cuối cùng bị chê trách. Ngoài ra hàng hạ phạm lường khó toan tính. Vả lại, Đạo mở vật ngộ, kính tin Công phu nói Đạo? Đã chẳng hội chánh làm sao có thể xét quán? Chỉ là việc có thể lên cơ, dùng ý thương lượng. Khả năng tiếp đãi tục còn ở việc này ư? Vẫn còn chấp văn tin độ, răn đối rất hiếm, phỏng người lấy làm thường, hẳn chẳng phải lỗi, vàng vạc xa tưởng, thông

cùng ý ấy.

Tôi, Sa-môn Thích Đạo Tuyên người ở xứ Kinh Triệu, trụ núi Thái Ất, ở Chung Nam, dám bảo với các Pháp thuộc rằng: "Trộm nghĩ dòng pháp trùm khắp, không con người thì chẳng ai hoằng dương, khoảng đời bạc bẽo, thường trái với danh thật. Hàng hậu học đua ganh chưa hết toan tính, đến nỗi lẫn lộn thiên chương, sót mất rất nhiều. Từ thời nhà Lương về sau, lịch sử chư tăng hoang phế, tìm xét những bậc tài giỏi ít có đâu mối. Há chẳng phải gom nhặt biên tập ít tươi đẹp để sự thấy nghe được trầm lắng. Hạnh cao Đức sáng lấp vùi khó ghi, ngay không bờ mé đo lường, hãy chọn lọc ở ngôn từ. Còn như truyện thuật thì khuyết sót Sư chứa nhóm tốt đẹp, còn Hiền giả thì bật rơi mất không nghe ở đời. Do đó tại Giang Biểu dưới thời nhà Trần các vị như Sa-môn Thống, Quỳnh, Hoảng, Diễm, Tước v.v... tại Hà Bắc nơi Cao Đô có các vị Dung, Sâm, Tấn, Ngụy v.v... là những bậc tiếng tăm khuôn phép nơi trời Hán, hạnh lớn lay động tâm người, đều đáng làm mẫu mực phép tắc đều theo vật xưa cũ. Tôi, thường nhân những ngày rảnh rỗi thưa hỏi khắp các bậc Hiền giả ở kinh đô. Tên họ còn không nghe thì làm sao luận bàn về cảnh hạnh được! Vỡ về sự đau khổ của tim gan, tự chứa nhóm từ trước đến nay, cùng kết thành quy củ, lời ý hợp Đạo, kính nương thưa hỏi khắp công việc, sưu tầm nêu dương, chớ cho là nhiều mà trái với Hoằng lược. Ở đời có ba bộ sử hơn bốn trăm quyển, còn có sư tìm, đầu dụ với Thích Môn chỉ có ba, năm pho, nên phải hơi có phần tiết tháo hành trạng đáng dùng làm bậc thầy khuôn phép mẫu mực, liền phải chiết bút càng rộng loại ấy. Há chẳng phải nghe rõ chư tăng lướt thuyền thẳng theo vết Thánh, thì đạo Thích Môn cao quý, trông nhìn nghĩ suy làm sao cho bằng, hàng Thượng đạt trong lưu tục thêm cảnh ngưỡng đối với thường tà ư? Thôi buông lời cuối truyện, cầu mong Thần nhân biết có y cứ.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 30 hết (TRỌN BỘ)